|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢISố: /2022/TT-BGTVT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

|  |
| --- |
| DỰ THẢO LẦN 3 |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn một số nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư và Mẫu hợp đồng dự án xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc lĩnh vực giao thông vận tải**

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư và Mẫu hợp đồng dự án xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư và Mẫu hợp đồng dự án xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (sau đây gọi là BOT) thuộc lĩnh vực giao thông vận tải, bao gồm: đường bộ; đường sắt; đường thủy nội địa; hàng hải; hàng không.

2. Quy mô đầu tư: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Nghị định 35/2021/NĐ-CP).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng dự án áp dụng loại hợp đồng BOT thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

1. Nguyên tắc áp dụng đối với phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Trong các Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Thông tư này, các nội dung in đứng mang tính bắt buộc phải áp dụng, các nội dung in nghiêng chỉ mang tính hướng dẫn, cần căn cứ theo quy mô, tính chất và điều kiện riêng (nếu có) của từng lĩnh vực (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không, hàng hải) và tính chất của từng dự án để xây dựng cho phù hợp nhưng không được nêu bất cứ tiêu chuẩn nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Tiêu chuẩn đánh giá phải công khai trong Hồ sơ mời thầu (sau đây gọi là HSMT). Trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu (sau đây gọi là HSDT) phải tuân thủ tiêu chuẩn đánh giá nêu trong HSMT không được thay đổi hay bổ sung bất kỳ nội dung nào.

2. Nguyên tắc áp dụng đối với Mẫu hợp đồng dự án BOT

Hợp đồng dự án BOT ký kết giữa Cơ quan ký kết hợp đồng (sau đây gọi là CQKKHĐ) với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án phải tuân thủ theo Mẫu hợp đồng dự án BOT, các điều kiện hợp đồng quy định trong HSMT. Trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, các bên có thể đề xuất hiệu chỉnh, bổ sung đảm bảo không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT và không trái với quy định của HSMT, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định của pháp luật có liên quan.

**Chương II**

**PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU**

**Điều 4. Đánh giá hồ sơ dự thầu**

1. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

a) Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 56 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

b) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi đã sơ tuyển, nhà đầu tư phải có cam kết bằng văn bản về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án. Trường hợp có sự thay đổi so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển, nhà đầu tư phải cập nhật năng lực của mình và bên mời thầu phải tổ chức đánh giá lại theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá nêu trong hồ sơ mời sơ tuyển;

Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi không sơ tuyển, đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm tại Điều 5 của Thông tư này.

c) Đánh giá về kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

2. Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi và đàm phán cạnh tranh

a) Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại: Thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

b) Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Mục 2, Phần B Chương III của Mẫu HSMT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT đối với dự án PPP không áp dụng sơ tuyển và dự án PPP áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh.

c) Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

3. Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư

Đánh giá về tài chính - thương mại theo quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 7 của Thông tư này. HSMT không quy định nội dung so sánh, xếp hạng nhà đầu tư.

**Điều 5. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm**

1. Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 3.1 Mục 3, Phần A Chương III của Mẫu HSMT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT đối với dự án PPP không áp dụng sơ tuyển và dự án PPP áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh.

2. Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư độc lập và nhà đầu tư liên danh được thực hiện theo các tiêu chí đánh giá tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

3. Đối với nhà đầu tư liên danh thực hiện theo quy định tại khoản 3.2 Mục 3, Phần A Chương III của Mẫu HSMT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT đối với dự án PPP không áp dụng sơ tuyển và dự án PPP áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh.

4. Việc ưu tiên đối với Nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án PPP tương tự tại các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development - OECD): Thực hiện theo nội dung tiêu chí tại Mục 5, Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

**Điều 6. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

1. Phương pháp đánh giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 4.1 Mục 4, Phần A Chương III của Mẫu HSMT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT đối với dự án PPP không áp dụng sơ tuyển và dự án PPP áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh.

2. Tiêu chuẩn đánh giá

a) Căn cứ quy mô, tính chất và loại hình dự án cụ thể, tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, bao gồm:

- Kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án;

- Phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ;

- Phương án quản lý vận hành, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của dự án;

- Các yêu cầu về môi trường và an toàn;

- Phương án quản lý rủi ro của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

- Tính phù hợp và khả thi của chi phí đầu tư xây dựng công trình, chi phí vận hành trong vòng đời dự án.

b) Việc đánh giá về kỹ thuật của nhà đầu tư được thực hiện theo các tiêu chí đánh giá tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì được xem xét, đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại.

**Điều 7. Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại**

Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu phải xác định một trong các phương pháp dưới đây để so sánh, xếp hạng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại:

1. Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (VGF) (*không áp dụng đối với dự án PPP có tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư*), các nội dung khác như: thời gian hoàn vốn, giá, phí sản phẩm và các yếu tố có liên quan đã được xác định rõ trong HSMT.

Nhà đầu tư đề xuất vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng thấp nhất được xếp thứ nhất và được đề nghị trúng thầu.

Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì phải tính toán giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng của nhà đầu tư đó trước khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư.

Trường hợp các nhà đầu tư đề xuất giá trị phần vốn góp của Nhà nước bằng nhau, xếp hạng nhà đầu tư sẽ căn cứ theo kết quả đánh giá kỹ thuật: i) Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm: HSDT của nhà đầu tư có điểm đánh giá kỹ thuật cao hơn được xếp thứ nhất; ii) Trường hợp sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt: HSDT của nhà đầu tư có số lượng các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá chấp nhận được ít hơn được xếp thứ nhất.

2. Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, các nội dung khác như tiêu chuẩn đối với tài sản, dịch vụ thuộc dự án; thời gian thực hiện hợp đồng và các yếu tố có liên quan đã được xác định rõ trong HSMT.

Nhà đầu tư đề xuất giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thấp nhất được xếp thứ nhất và được đề nghị trúng thầu.

Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì phải tính toán giá, phí sản phẩm, dịch vụ công của nhà đầu tư đó trước khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư theo quy định.

Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đề xuất cùng một mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thấp nhất, xếp hạng nhà đầu tư sẽ căn cứ theo đánh giá kỹ thuật: i) trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm: HSDT của nhà đầu tư có điểm đánh giá kỹ thuật cao hơn được xếp thứ nhất; ii) Trường hợp sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt: HSDT của nhà đầu tư có số lượng các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá chấp nhận được ít hơn được xếp thứ nhất.

3. Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước, các nội dung khác có liên quan đã được xác định rõ trong HSMT.

Nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước cao nhất hoặc thời gian thực hiện hợp đồng ngắn nhất được xếp thứ nhất và được đề nghị trúng thầu.

Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì phải tính toán giá trị đề xuất nộp ngân sách nhà nước hoặc khoảng thời gian thực hiện hợp đồng của nhà đầu tư đó trước khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư theo quy định.

Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đề xuất mức nộp ngân sách cao nhất hoặc khoảng thời gian thực hiện hợp đồng ngắn nhất bằng nhau, xếp hạng nhà đầu tư sẽ căn cứ theo đánh giá kỹ thuật: i) Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm: HSDT của nhà đầu tư có điểm đánh giá kỹ thuật cao hơn được xếp thứ nhất; ii) Trường hợp sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt: HSDT của nhà đầu tư có số lượng các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá chấp nhận được ít hơn được xếp thứ nhất.

4. Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên các tiêu chuẩn kết hợp.

*+ Kết hợp tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng*

***Điểm tổng hợpđang xét = K x Điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công đang xét + G x Điểm của giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng đang xét***

Trong đó:

*K: Tỷ trọng điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (K ≥ 20%);*

*G: Tỷ trọng điểm của giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (G ≥ 20%);*

*K + G = 100%. Tỷ trọng điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (K) và Tỷ trọng điểm của giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (G) phải được xác định cụ thể trong HSMT.*

Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì phải tính toán giá trị ưu đãi tương ứng của nhà đầu tư đó trước khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư. Nhà đầu tư có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất và được mời vào đàm phán hợp đồng.

Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên có điểm tổng hợp bằng nhau, xếp hạng nhà đầu tư sẽ căn cứ theo đánh giá kỹ thuật: i) Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm: HSDT của nhà đầu tư có điểm đánh giá kỹ thuật cao hơn được xếp thứ nhất; ii) Trường hợp sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt: HSDT của nhà đầu tư có số lượng các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá chấp nhận được ít hơn được xếp thứ nhất.

*+ Kết hợp giữa tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước*

***Điểm tổng hợpđang xét = K x Điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công đang xét + H x Điểm giá trị nộp ngân sách nhà nước đang xét***

*K: Tỷ trọng điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (K ≥ 20%);*

*H: Tỷ trọng điểm của giá trị nộp ngân sách nhà nước (H ≥ 20%);*

*K + H = 100%. Tỷ trọng điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (K) và Tỷ trọng điểm của giá trị nộp ngân sách nhà nước (H) phải được xác định cụ thể trong HSMT.*

Nhà đầu tư có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất và được mời vào đàm phán hợp đồng. Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên có điểm tổng hợp bằng nhau: i) Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm: nhà đầu tư có điểm đánh giá kỹ thuật cao hơn được xếp thứ nhất; ii) Trường hợp sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt: HSDT của nhà đầu tư có số lượng các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá chấp nhận được ít hơn được xếp thứ nhất.

**Chương III**

**MẪU HỢP ĐỒNG DỰ ÁN BOT**

**Điều 8. Văn bản thỏa thuận của các bên về hợp đồng**

Văn bản thỏa thuận của các bên về hợp đồng, bao gồm: Căn cứ pháp lý ký kết hợp đồng dự án; thông tin chung về các bên ký kết hợp đồng dự án (cơ quan ký kết hợp đồng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án); hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý; thời hạn hợp đồng và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng, quy định cụ thể tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

**Điều 9. Điều kiện chung của hợp đồng**

Điều kiện chung của hợp đồng gồm các điều khoản chung được áp dụng trong các Hợp đồng dự án BOT thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.

**Điều 10. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

Điều kiện cụ thể của hợp đồng làm rõ các nội dung tương ứng với điều kiện chung của Hợp đồng dự án BOT thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.

**Điều 11. Phụ lục hợp đồng**

Phụ lục hợp đồng là một bộ phận cấu thành của hợp đồng dự án. Trường hợp cần thiết, hợp đồng có thể có phụ lục hợp đồng kèm theo để quy định chi tiết một số điều khoản của hợp đồng.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12. Quy định chuyển tiếp**

1. HSMT đã được phát hành trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa có kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì tiếp tục đánh giá HSDT trên cơ sở HSMT đã phát hành.

2. Đối với các dự án đã có có kết quả lựa chọn nhà đầu tư trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì nhà đầu tư và CQCTQ hoặc CQKKHĐ tiến hành đàm phán, ký kết hợp đồng trên cơ sở HSMT đã phát hành và HSDT do nhà đầu tư nộp.

3. Đối với các dự án đã ký hợp đồng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng dự án đã ký.

**Điều 13. Hiệu lực thi hành**

 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

 2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

**Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ Giao thông vận tải, Giám đốc các Ban Quản lý dự án thuộc Bộ Giao thông vận tải, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, trường hợp phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

**PHỤ LỤC I**

**TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BGTVT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

| **TT** | **Tiêu chuẩn đánh giá** | **Điểm****tối đa** | **Thang điểm chi tiết(1)** | **Điểm yêu cầu tối thiểu** | **Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Năng lực tài chính *(chiếm tỷ trọng 50-60% tổng số điểm)*** |
| 1 | Vốn chủ sở hữu(2) |  |  |  | Thực hiện theo quy định tại bảng số 01 khoản 3.3 Mục 3, Phần A Chương III của Mẫu HSMT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT đối với dự án PPP không áp dụng sơ tuyển và dự án PPP áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh. |
| 2 | Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp(3) |  |  |  |
| **II. Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư** ***(chiếm tỷ trọng 40-50% tổng số điểm) (4)*** |
| 3 | Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (không áp dụng đối với loại hợp đồng O&M) |  |  |  | Thực hiện theo quy định tại bảng số 01 khoản 3.3 Mục 3, Phần A Chương III của Mẫu HSMT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT đối với dự án PPP không áp dụng sơ tuyển và dự án PPP áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh. |
| 4 | Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công(5) |  |  |  |
| 5 | Kinh nghiệm thực hiện dự án PPP tương tự tại các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development - OECD)(6) |  |  |  | Số lượng dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng\_\_\_năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu là\_\_\_\_\_ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt điểm yêu cầu tối thiểu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:- Trong lĩnh vực: Đường bộ/Đường sắt/Đường thủy nội địa/Hàng hải/Hàng không *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét];**-* Có tổng mức đầu tư tối thiểu là\_\_\_\_\_ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét].**-* Trường hợp liên danh, có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu trong Thỏa thuận liên danh là *\_\_\_\_\_\_\_[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 30% - 50% ].* |
|  | ***III. Các tiêu chuẩn khác****(7)* |  |

***Ghi chú:***

(1) Bên mời thầu quy định chi tiết hơn thang điểm đánh giá đối với từng tiêu chí.

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính trong báo cáo tài chính năm gần nhất của nhà đầu tư đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án PPP, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm gửi CQCTQ, CQKKHĐ dự án PPP phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án PPP, làm cơ sở giám sát huy động vốn của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 06 và cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu số 07 tại Chương V - Biểu mẫu dự thầu.

(3) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu số 07 tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm thu xếp của nhà đầu tư.

(4) Kinh nghiệm của nhà đầu tư:

(i) Các dự án/gói thầu nhà đầu tư thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn:

- Đối với dự án, gói thầu có cấu phần xây dựng: đã được xác nhận hoàn thành hoặc nghiệm thu hạng mục công trình, công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định*.*

- Đối với dự án, gói thầu không có cấu phần xây dựng: đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

(iii) Đối với dự án có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, bên mời thầu căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư. Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án. Trong quá trình xem xét, đánh giá, bên mời thầu phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án. Yêu cầu thực hiện dự án trong HSMT cũng như hợp đồng phải bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư cũng như biện pháp xử lý (xử phạt, đền bù thiệt hại, xử lý trong giai đoạn tiếp theo) trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Cơ quan có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng mức đầu tư của dự án.

(5) Trường hợp dự án được kê khai để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, trong đó gồm công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thì được sử dụng để chứng minh tính đáp ứng đối với tiêu chuẩn này.

Trường hợp nhà đầu tư sử dụng đối tác cùng thực hiện dự án, nhà đầu tư phải cung cấp hợp đồng nguyên tắc, thỏa thuận giữa nhà đầu tư và đối tác hoặc cam kết của đối tác về việc tham gia thực hiện dự án.

(6) Tiêu chuẩn này chỉ áp dụng đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế. Căn cứ tính chất, yêu cầu cụ thể của dự án bên mời thầu xác định tiêu chí ưu tiên và tỷ trọng điểm phù hợp.

(7) Căn cứ quy mô, tính chất của từng dự án cụ thể và điều kiện riêng biệt (nếu có) của từng lĩnh vực, bên mời thầu đưa ra các tiêu chí phù hợp.

**PHỤ LỤC II**

**TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BGTVT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**I. TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM**

| **TT** | **Tiêu chí** | **Nội dung** | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tối đa** | **Tối thiểu** |
| **1.** | **Kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án** | **Nhà đầu tư trình bày kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án đảm bảo cung cấp công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ liên tục, ổn định với chất lượng được xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thiết kế kỹ thuật** *(Mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 20% - 30% tổng số điểm)*. |  |  |
| 1.1 |  | Cấu trúc và sơ đồ hệ thống tổ chức đề xuất trong quá trình thực hiện dự án |  |  |
| 1.2 |  | Nhân sự chủ chốt  |  |  |
| 1.3 |  | Kế hoạch tổng thể quản lý Dự án |  |  |
| 1.4 |  | Kế hoạch quản lý giao thông và phối hợp với các bên liên quan |  |  |
| 1.5 |  | Thỏa thuận nội bộ và quản lý nhà thầu |  |  |
| 1.6 |  | Kế hoạch quản lý nhân sự |  |  |
| 1.7 |  | Kế hoạch phối hợp trong công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư |  |  |
| 1.8 |  | Sáng kiến cải tiến |  |  |
| **2.** | **Phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ** | **Nhà đầu tư đề xuất giải pháp kỹ thuật trong thiết kế và thi công dự án.** *Lưu ý: Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng và được tách thành tiểu dự án thì bên mời thầu cần cụ thể hóa các tiêu chuẩn sau để làm cơ sở đánh giá: Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công tiểu dự án phù hợp với thiết kế sau thiết kế cơ sở được duyệt, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, kết nối với các công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng khác trong dự án PPP…**(Mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 20% - 30% tổng số điểm).* |  |  |
| 2.1 |  | Tóm tắt thiết kế kỹ thuật |  |  |
| 2.2 |  | Biện pháp tổ chức thi công |  |  |
| 2.3 |  | Tiến độ thiết kế và thi công chi tiết |  |  |
| 2.4 |  | Giải pháp quản lý chất lượng |  |  |
| 2.5 |  | Giải pháp quản lý tiến độ, giải pháp công nghệ |  |  |
| 2.6 |  | Quản lý công trình tiện ích |  |  |
| 2.7 |  | Quản lý sự cố |  |  |
| **3.** | **Phương án quản lý vận hành, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án** | **Nhà đầu tư trình bày kế hoạch và phương án quản lý vận hành và kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án để đáp ứng các nghĩa vụ, nhiệm vụ và trách nhiệm của nhà đầu tư trong giai đoạn vận hành, khai thác** *(Mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 10% - 20% tổng số điểm).* |  |  |
| 3.1 |  | Kế hoạch và phương án quản lý, vận hành tổng thể Dự án  |  |  |
| 3.2 |  | Kế hoạch và phương án quản lý, vận hành các hạng mục có tính chất đặc thù và yêu cầu kỹ thuật cao  |  |  |
| 3.3 |  | Kế hoạch và phương án bảo trì, bảo dưỡng tổng thể và bảo dưỡng hàng năm |  |  |
| 3.4 |  | Kế hoạch sửa chữa vừa và sửa chữa lớn |  |  |
| 3.5 |  | Kế hoạch và phương án ứng phó khẩn cấp |  |  |
| 3.6 |  | Kế hoạch quản lý vận hành đảm bảo tính liên tục không gián đoạn trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. |  |  |
| **4.** | **Các yêu cầu về môi trường và an toàn** | **Nhà đầu tư trình bày kế hoạch đáp ứng các yêu cầu về môi trường và an toàn được xem xét trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường** *(Mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 5% - 10% tổng số điểm).* |  |  |
| 4.1 |  | Kế hoạch quản lý và đảm bảo bền vững môi trường |  |  |
| 4.2 |  | Kế hoạch quản lý an toàn |  |  |
| **5.** | **Phương án quản lý rủi ro của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện Dự án** | **Nhà đầu tư trình bày phương án quản lý rủi ro sử dụng các quy trình được chấp nhận rộng rãi trong ngành dùng cho việc xác định, ưu tiên và xử lý các rủi ro của Dự án. Phương án quản lý rủi ro cần cung cấp các kế hoạch giảm thiểu rủi ro được phân bổ cho nhà đầu tư, nhờ đó rủi ro tổng thể của Dự án được giảm thiểu.***(Mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 5% - 10% tổng số điểm).* |  |  |
| **6.** | **Chi phí đầu tư xây dựng công trình, chi phí vận hành trong vòng đời dự án** | **Nhà đầu tư trình bày các thông tin chính thể hiện tính phù hợp và khả thi của chi phí đề xuất tương ứng với phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ và kế hoạch, phương pháp triển khai thực hiện dự án.***Lưu ý: Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng và được bố trí vào hạng mục cụ thể thì NĐT xác định cụ thể hạng mục sẽ sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng trong HSĐX.**(Mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 10% - 20% tổng số điểm).* |  |  |

***Ghi chú:***

*a) Cơ cấu về tỷ trọng điểm tương ứng với các tiêu chí đánh giá ở bảng trên phải phù hợp với từng loại hợp đồng dự án cụ thể nhưng bảo đảm tổng tỷ trọng điểm bằng 100%.*

*b) Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu tại các nội dung tiêu chí đánh giá:*

| **Mức độ** | **Mô tả mức độ đánh giá từng tiêu chí của HSMT** | **Tỷ lệ điểm đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| Sơ sài | * **Mức độ hoàn chỉnh:** HSĐXKT chưa hoàn chỉnh, còn thiếu nhiều thông tin đáng kể.
* **Mức độ đáp ứng yêu cầu:** Thông tin trong HSĐXKT chưa đáp ứng các yêu cầu của HSMT về một hoặc một vài khía cạnh đáng kể.
* **Tính chính xác:** HSĐXKT còn có các sai sót đáng kể và thông tin không thống nhất có khả năng ảnh hưởng đến khả năng thực hiện dự án.
* **Tính khả thi:** HSĐXKT không có nhiều tính khả thi trong bối cảnh tại Việt Nam.
* **Kinh nghiệm:** HSĐXKT thể hiện nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm đáng kể (kinh nghiệm trước đây cũng như uy tín của đội ngũ quản lý) trong việc thực hiện các dự án có phạm vi và mức độ phức tạp tương tự như Dự án này.

Về tổng thể, khả năng nhà đầu tư thực hiện được phương án trong HSĐXKT là không chắc chắn.  | 0% - 50% |
| Trung bình | * **Mức độ hoàn chỉnh:** HSĐXKT phần lớn đã hoàn chỉnh nhưng có thể vẫn thiếu một số thông tin
* **Mức độ đáp ứng yêu cầu:** Thông tin trong HSĐXKT phần lớn đã tuân thủ các yêu cầu của HSMT nhưng còn thiếu một số thông tin nhỏ
* **Tính chính xác:** HSĐXKT còn có các sai sót nhỏ và thông tin không thống nhất. Các sai sót này có thể được coi là nhỏ.
* **Tính khả thi:** HSĐXKT có thể khả thi trong bối cảnh tại Việt Nam tuy nhiên còn một số vấn đề cần xem xét.
* **Kinh nghiệm:** HSĐXKT thể hiện nhà đầu tư có kinh nghiệm ở mức hợp lý (kinh nghiệm trước đây cũng như uy tín của đội ngũ quản lý) trong việc thực hiện các dự án có phạm vi và mức độ phức tạp tương tự như Dự án này.

Về tổng thể, HSĐXKT có thể coi là chấp nhận được và đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của HSMT. Khả năng nhà đầu tư có thể thực hiện được phương án trong HSĐXKT nhưng khá hạn chế. | 50% - 70% |
| Tốt, xuất sắc | * **Mức độ hoàn chỉnh:** HSĐXKT hoàn chỉnh, không có thông tin nào bị bỏ sót.
* **Mức độ đáp ứng yêu cầu:** HSĐXKT đáp ứng các yêu cầu của HSMT
* **Tính chính xác:** HSĐXKT không có các sai sót đáng kể
* **Tính khả thi:** Đưa ra phương án kỹ thuật đầy đủ, chi tiết, được trình bày rõ ràng và nhất quán, có tính khả thi cao trong bối cảnh tại Việt Nam. Không có quan ngại đáng kể nào về khả năng thực hiện dự án. Kế hoạch triển khai của nhà đầu tư thể hiện rõ đã cân nhắc các quy trình, thủ tục hành chính tại Việt Nam, và tất cả các khía cạnh của phương án kỹ thuật phù hợp và thống nhất.

Phương pháp tiếp cận xử lý các khó khăn dự kiến được trình bày rõ ràng và đã được triển khai thành công tại Việt Nam hoặc tại các quốc gia khác. Các phương án sáng tạo, cải tiến cũng được đề cập và xem xét. * **Kinh nghiệm:** HSĐXKT thể hiện nhà đầu tư rất giàu kinh nghiệm (kinh nghiệm trước đây cũng như uy tín của đội ngũ quản lý). Nhiều hợp phần trong phương án kỹ thuật đã được nhà đầu tư triển khai thành công trước đây. Nhà đầu tư và đội ngũ quản lý có nhiều kinh nghiệm triển khai các dự án ở Việt Nam. Trong trường hợp nhà đầu tư là liên danh, các thành viên liên danh có thể đã có kinh nghiệm làm việc cùng nhau trước đây.

Về tổng thể, HSĐXKT có thể coi là xuất sắc, đưa ra phương án kỹ thuật rõ ràng và khả năng nhà đầu tư có thể thực hiện được phương án trong HSĐXKT là rất cao. Đánh giá cao đội ngũ quản lý của nhà đầu tư có khả năng triển khai Dự án.  | 70% - 100% |

**II. TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ ĐẠT, KHÔNG ĐẠT**

| **TT** | **Tiêu chí** | **Nội dung** | **Kết quả đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đạt/chấp nhận được** | **Không đạt** |
| **1.** | **Kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án** | **Nhà đầu tư trình bày kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án đảm bảo cung cấp công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ liên tục, ổn định với chất lượng được xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thiết kế kỹ thuật.** |  |  |
| 1.1 |  | Cấu trúc và sơ đồ hệ thống tổ chức đề xuất trong quá trình thực hiện dự án |  |  |
| 1.2 |  | Nhân sự chủ chốt  |  |  |
| 1.3 |  | Kế hoạch tổng thể quản lý Dự án |  |  |
| 1.4 |  | Kế hoạch quản lý giao thông và phối hợp với các bên liên quan |  |  |
| 1.5 |  | Thỏa thuận nội bộ và quản lý nhà thầu |  |  |
| 1.6 |  | Kế hoạch quản lý nhân sự |  |  |
| 1.7 |  | Kế hoạch phối hợp trong công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư |  |  |
| 1.8 |  | Sáng kiến cải tiến |  |  |
| **2.** | **Phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ** | **Nhà đầu tư đề xuất giải pháp kỹ thuật trong thiết kế và thi công dự án.***Lưu ý: Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng và được tách thành tiểu dự án thì bên mời thầu cần cụ thể hóa các tiêu chuẩn sau để làm cơ sở đánh giá: Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công tiểu dự án phù hợp với thiết kế sau thiết kế cơ sở được duyệt, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, kết nối với các công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng khác trong dự án PPP…* |  |  |
| 2.1 |  | Tóm tắt thiết kế kỹ thuật |  |  |
| 2.2 |  | Biện pháp tổ chức thi công |  |  |
| 2.3 |  | Tiến độ thiết kế và thi công chi tiết |  |  |
| 2.4 |  | Giải pháp quản lý chất lượng |  |  |
| 2.5 |  | Giải pháp quản lý tiến độ, giải pháp công nghệ |  |  |
| 2.6 |  | Quản lý công trình tiện ích |  |  |
| 2.7 |  | Quản lý sự cố |  |  |
| **3.** | **Phương án quản lý vận hành, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án** | **Nhà đầu tư trình bày kế hoạch và phương án quản lý vận hành và kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án để đáp ứng các nghĩa vụ, nhiệm vụ và trách nhiệm của nhà đầu tư trong giai đoạn vận hành, khai thác.**  |  |  |
| 3.1 |  | Kế hoạch và phương án quản lý, vận hành tổng thể Dự án  |  |  |
| 3.2 |  | Kế hoạch và phương án quản lý, vận hành các hạng mục có tính chất đặc thù và yêu cầu kỹ thuật cao  |  |  |
| 3.3 |  | Kế hoạch và phương án bảo trì, bảo dưỡng tổng thể và bảo dưỡng hàng năm |  |  |
| 3.4 |  | Kế hoạch sửa chữa vừa và sửa chữa lớn |  |  |
| 3.5 |  | Kế hoạch và phương án ứng phó khẩn cấp |  |  |
| **4.** | **Các yêu cầu về môi trường và an toàn** | **Nhà đầu tư trình bày kế hoạch đáp ứng các yêu cầu về môi trường và an toàn được xem xét trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường.** |  |  |
| 4.1 |  | Kế hoạch quản lý và đảm bảo bền vững môi trường |  |  |
| 4.2 |  | Kế hoạch quản lý an toàn |  |  |
| **5.** | **Phương án quản lý rủi ro của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện Dự án** | **Nhà đầu tư trình bày phương án quản lý rủi ro sử dụng các quy trình được chấp nhận rộng rãi trong ngành dùng cho việc xác định, ưu tiên và xử lý các rủi ro của Dự án. Phương án quản lý rủi ro cần cung cấp các kế hoạch giảm thiểu rủi ro được phân bổ cho nhà đầu tư, nhờ đó rủi ro tổng thể của Dự án được giảm thiểu.** |  |  |
| **6.** | **Chi phí đầu tư xây dựng công trình, chi phí vận hành trong vòng đời dự án** | **Nhà đầu tư trình bày các thông tin chính thể hiện tính phù hợp và khả thi của chi phí đề xuất tương ứng với phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ và kế hoạch, phương pháp triển khai thực hiện dự án.***Lưu ý: Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng và được bố trí vào hạng mục cụ thể thì NĐT xác định cụ thể hạng mục sẽ sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng trong HSĐX.* |  |  |

***Ghi chú:***

*a) Các tiêu chuẩn chi tiết có thể phân thành nhóm các tiêu chuẩn chi tiết cơ bản và nhóm các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản đảm bảo nhóm các tiêu chuẩn chi tiết cơ bản, chiếm 70% tổng số các tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát đó; các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản, chiếm 30% tổng số các tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát đó. Khi đó các tiêu chuẩn chi tiết cơ bản được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt. Các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt, chấp nhận được. Tiêu chuẩn tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chuẩn chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.*

b) *Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu tại các nội dung tiêu chí đánh giá:*

| **Mức độ****Đánh giá** | **Mô tả mức độ đánh giá từng tiêu chí của HSĐXKT** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- |
| Không đạt | * **Mức độ hoàn chỉnh:** HSĐXKT chưa hoàn chỉnh, còn thiếu nhiều thông tin đáng kể.
* **Mức độ đáp ứng yêu cầu:** Thông tin trong HSĐXKT chưa đáp ứng các yêu cầu của HSMT về một hoặc một vài khía cạnh đáng kể.
* **Tính chính xác:** HSĐXKT còn có các sai sót đáng kể và thông tin không thống nhất có khả năng ảnh hưởng đến khả năng thực hiện dự án.
* **Tính khả thi:** HSĐXKT không có nhiều tính khả thi trong bối cảnh tại Việt Nam.
* **Kinh nghiệm:** HSĐXKT thể hiện nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm đáng kể (kinh nghiệm trước đây cũng như uy tín của đội ngũ quản lý) trong việc thực hiện các dự án có phạm vi và mức độ phức tạp tương tự như Dự án này.

Về tổng thể, khả năng nhà đầu tư thực hiện được phương án trong HSĐXKT là không chắc chắn.  |  |
| Chấp nhận được | * **Mức độ hoàn chỉnh:** HSĐXKTphần lớn đã hoàn chỉnh nhưng có thể vẫn thiếu một số thông tin
* **Mức độ đáp ứng yêu cầu:** Thông tin trong HSĐXKT phần lớn đã tuân thủ các yêu cầu của HSMT nhưng còn thiếu một số thông tin nhỏ
* **Tính chính xác:** HSĐXKT còn có các sai sót nhỏ và thông tin không thống nhất. Các sai sót này có thể được coi là nhỏ.
* **Tính khả thi:** HSĐXKTcó thể khả thi trong bối cảnh tại Việt Nam tuy nhiên còn một số vấn đề cần xem xét.
* **Kinh nghiệm:** HSĐXKT thể hiện nhà đầu tư có kinh nghiệm ở mức hợp lý (kinh nghiệm trước đây cũng như uy tín của đội ngũ quản lý) trong việc thực hiện các dự án có phạm vi và mức độ phức tạp tương tự như Dự án này.

Về tổng thể, HSĐXKT có thể coi là chấp nhận được và đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của HSMT. Khả năng nhà đầu tư có thể thực hiện đượcphương án trong HSĐXKT nhưng khá hạn chế. |  |
| Đạt | * **Mức độ hoàn chỉnh:** HSĐXKT hoàn chỉnh, không có thông tin nào bị bỏ sót.
* **Mức độ đáp ứng yêu cầu:** HSĐXKT đáp ứng các yêu cầu của HSMT
* **Tính chính xác:** HSĐXKT không có các sai sót đáng kể
* **Tính khả thi:** Đưa ra phương án kỹ thuật đầy đủ, chi tiết, được trình bày rõ ràng và nhất quán, có tính khả thi cao trong bối cảnh tại Việt Nam. Không có quan ngại đáng kể nào về khả năng thực hiện dự án. Kế hoạch triển khai của nhà đầu tư thể hiện rõ đã cân nhắc các quy trình, thủ tục hành chính tại Việt Nam, và tất cả các khía cạnh của phương án kỹ thuật phù hợp và thống nhất.

Phương pháp tiếp cận xử lý các khó khăn dự kiến được trình bày rõ ràng và đã được triển khai thành công tại Việt Nam hoặc tại các quốc gia khác. Các phương án sáng tạo, cải tiến cũng được đề cập và xem xét. * **Kinh nghiệm:** HSĐXKT thể hiện nhà đầu tư rất giàu kinh nghiệm (kinh nghiệm trước đây cũng như uy tín của đội ngũ quản lý). Nhiều hợp phần trong phương án kỹ thuật đã được nhà đầu tư triển khai thành công trước đây. Nhà đầu tư và đội ngũ quản lý có nhiều kinh nghiệm triển khai các dự án ở Việt Nam. Trong trường hợp nhà đầu tư là liên danh, các thành viên liên danh có thể đã có kinh nghiệm làm việc cùng nhau trước đây.

Về tổng thể, HSĐXKT có thể coi là xuất sắc, đưa ra phương án kỹ thuật rõ ràng và khả năng nhà đầu tư có thể thực hiện được phương án trong HSĐXKT là rất cao. Có niềm tin rất cao rằng đội ngũ quản lý của nhà đầu tư có khả năng triển khai Dự án.  |  |